

Bản án số: 115/2019/DS-ST
Ngày 23-9-2019
V/v “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Hà

Ông Nguyễn Hoài Phong

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 219/2019/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2019/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Diệp Thị L, sinh năm 1959 (có mặt)

Cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Cẩm N (vắng mặt)

Ông Huỳnh Văn G (vắng mặt)

Cùng cư trú tại: Ấp LHT, xã TT, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Diệp Thị L trình bày:

Ngày 21/4/2014 al bà có cho bà Nguyễn Cẩm N vay 50.000.000đ, lãi suất 2.000.000đ/tháng/50.000.000đ, thỏa thuận khi nào bà L cần tiền sẽ báo trước một tháng, bà N đóng lãi đến tháng 3 năm 2015al thì ngưng đóng cho đến nay.

Ngày 15/9/2014 al bà có cho bà Nguyễn Cẩm N vay 10 chỉ vàng 24k, lãi suất 2.000.000đ/tháng/10 chỉ vàng 24k, thỏa thuận khi nào bà L cần vàng sẽ báo trước một tháng, từ khi vay đến nay bà N không có đóng lãi.

Bà Diệp Thị L yêu cầu ông Huỳnh Văn G và bà Nguyễn Cẩm N trả số tiền là 50.000.000đ và 10 chỉ vàng 24k, không yêu cầu trả lãi.

Bà Nguyễn Cẩm N trình bày:

Ngày 21/4/2014 al bà có vay của bà L 50.000.000đ, lãi suất 2.000.000đ/tháng/50.000.000đ, thỏa thuận khi nào bà L cần tiền sẽ báo trước một tháng, sau khi vay bà có đóng lãi cho bà L nhưng không nhớ rõ số tiền đóng lãi là

bao nhiêu.

Ngày 15/9/2014 al bà có vay của bà L 10 chỉ vàng 24k, lãi suất 2.000.000đ/tháng/10 chỉ vàng 24k, thỏa thuận khi nào bà L cần vàng sẽ báo trước một tháng, sau khi vay bà có đóng lãi cho bà L nhưng không nhớ rõ số tiền đóng lãi là bao nhiêu.

Bà xác định việc thỏa thuận lãi nêu trên là hoàn toàn tự nguyện nên không đặt ra xem xét đối với số tiền lãi đã đóng. Trong thời gian bà vay tiền và vàng của bà L, bà và ông G vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân và vẫn sống chung nhà nhưng bà xác định khoản nợ bà L là nợ riêng của bà.

Bà đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Thị L nhưng yêu cầu được trả mỗi tháng 300.000đ cho đến khi trả xong nợ.

Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho Huỳnh Văn G nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Cẩm N và ông Huỳnh Văn G đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng ông bà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà N và ông G là phù hợp.

[2] Về nội dung:

Về yêu cầu trả nợ: Bà L khởi kiện yêu cầu bà N và ông G trả số vốn vay 50.000.000đ và 10 chỉ vàng 24k. Xét thấy: Theo lời trình bày của bà L và bà N tại biên bản hòa giải ngày 19/7/2019 đều thống nhất bà N có vay của bà L 50.000.000đ vào ngày ngày 21/4/2014 al và 10 chỉ vàng 24k vào ngày 15/9/2014 al và hiện tại bà N còn nợ số tiền và vàng nêu trên. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với biên bản về việc làm việc với bà N ngày 06/10/2017, giấy hỏi tiền ngày 21/4/2014 và giấy hỏi vàng ngày 15/9/2014. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về trách nhiệm trả nợ: Bà L xác định khoản nợ trên là nợ chung của vợ chồng bà N và ông G vì cho rằng bà N sử dụng số vốn vay trên vào việc chuyển nhượng đất, tham gia hội và trong thời gian vay bà N và ông G vẫn còn sống chung nhà. Bà N cho rằng khoản nợ bà L là nợ riêng của bà, không liên quan đến ông G. Xét thấy: Trong thời gian bà N vay tiền và vàng, bà và ông G vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân và vẫn đang sống chung trong gia đình. Mặt khác ông G đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng ông không có ý kiến phản đối liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định khoản nợ bà L là nợ chung của bà N và ông G.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà N và ông G trả cho bà Lợi 50.000.000đ và 10 chỉ vàng 24k.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà L không phải chịu. Bà N và ông G phải chịu $(50.000.000 + (4.210.000/\text{chỉ vàng 24k} \times 10 \text{ chỉ vàng 24k})) \times 5\% = 4.605.000\text{đ}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463 và Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Diệp Thị L. Buộc bà Nguyễn Cẩm N và ông Huỳnh Văn G trả cho bà L 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và 10 chỉ vàng 24k.

Kể từ ngày bà Diệp Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà N và ông G chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bà N và ông G còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Diệp Thị L không phải chịu. Bà Nguyễn Cẩm N và ông Huỳnh Văn G 4.605.000đ (bốn triệu sáu trăm lẻ năm nghìn đồng)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Diệp Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Huỳnh Văn G và bà Nguyễn Cẩm N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Quốc Trọng

